

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 08 tháng 04 năm 2022
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng xây lắp*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm

Ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây lắp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV D; Địa chỉ: Số 12 đường N, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: bà Lê Thị N1 - chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Đ1 – Chức vụ: Phó giám đốc và ông Nguyễn Quý T, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Số 144 đường H, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, (theo giấy ủy quyền ngày 20/7/2021); Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Đ; Địa chỉ: K104/6 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: bà Lương Anh T1 – chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, bản tự khai ngày 21/12/2021 và tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ1 và ông Nguyễn Quý T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty D) nhận thầu thi công ký hợp đồng xây lắp số 02/2018/HĐXD với Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) là bên chủ đầu tư về việc xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh tại địa chỉ K104/6 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã tiến hành lập các Biên bản nghiệm thu các hạng mục đã thi công và ngày 17/5/2019, hai bên có lập “Biên bản làm việc” ghi nhận cam kết của hai bên về nghĩa vụ đúng tiến độ của nhận thầu và điều chỉnh đơn giá thi công và cam kết thời gian thanh toán và một số văn bản liên quan. Căn cứ các văn bản trên, ngày 16/11/2018 hai bên đã ký “Biên bản xác nhận khối lượng – công nợ” (tính đến 40% sàn tầng 5) với giá trị 3.066.224.150đ. Sau khi ký biên bản trên Công ty D tiến hành thi công giai đoạn hai (từ ngày 16/11/2018 đến thời điểm bàn giao công trình). Giá trị thi công đợt hai theo đơn giá mới là 1.251.181.511đồng (đã tính VAT 10%), (bao gồm: 60% tầng 5 là 282.527.400đồng, phần mái tầng 5 là 97.350.000đồng, chống thấm là 16.346.400đồng phát sinh ngoài hợp đồng theo bảng tính giá trị ngày 17/5/2019 tổng số tiền là 345.488.438đồng, phát sinh điện gác lửng 14.040.000đồng, cược tiền đồng hồ điện 3.500.000đồng, vật tư dùng ốp lát cầu thang là 3.500.000đồng và tiền điều chỉnh bù giá theo đơn giá mới là 374.685.500đồng, tổng các khoản chưa VAT là 1.137.437.738đồng và tiền thuế VAT 10% là 113.743.773đồng). Như vậy, tổng giá trị hoàn thành toàn công trình (tính thuế VAT 10%) là 4.317.425.661đồng (3.066.224.150đồng + 1.251.181.511đồng), Công ty Đ đã thanh toán được 3.485.202.000đồng. Số tiền còn lại Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty D là: 4.317.425.661đồng - 3.485.202.000đồng = 832.223.661đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính các khoản cược tiền đồng hồ điện, vật tư dùng ốp lát cầu thang, với tổng số tiền là 7.700.000đồng (đã tính VAT). Vậy, tổng số tiền còn lại Công ty Đ phải thanh toán là 824.503.661đồng. Sau khi bàn giao, ngày 08/8/2019, Công ty D có văn bản thông báo quyết toán gửi cho Công ty Đ yêu cầu thanh toán khoản tiền trên nhưng Công ty Đ vẫn không thanh toán. Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu khoản tiền lãi là 191.701.751đồng, theo mức lãi suất 9%/năm quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi là 31 tháng (kể từ ngày 08/8/2019 đến ngày 08/4/2022), trên số tiền nợ gốc 832.203.661đồng. Vậy, tổng số tiền gốc và lãi Công ty Đ thanh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D là 1.016.205.412đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng xây lắp số 02/2018/HĐXD giữa Công ty TNHH MTV D nhận thầu thi công ký với Công ty TNHH MTV Đ về việc xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh tại địa chỉ K104/6 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng; Biên bản nghiệm thu các hạng mục đã thi công và ngày 17/5/2019 hai bên có lập “*Biên bản làm việc*” ghi nhận cam kết của hai bên về nghĩa vụ đúng tiến độ của Bên B và điều chỉnh đơn giá thi công, Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành số 09 ngày 18/6/2019 và hồ sơ quyết toán của Công ty TNHH MTV D có căn cứ để xác định Công ty TNHH MTV Đ còn nợ Công ty TNHH MTV D số tiền là 824.523.661đồng. Do Công ty TNHH MTV Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 143, 144, Điều 147 Luật Xây dựng nên Công ty TNHH MTV D yêu cầu tính lãi (kể từ 08/8/2019 đến ngày 08/4/2022, theo lãi suất 9%/năm quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) với số tiền là 191.701.751đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Ngày 23/7/2021, Công ty TNHH MTV D khởi kiện vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây lắp*” đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ; Địa chỉ: K104/6 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ngày 11/10/2021 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 3 Điều 26, 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với bị đơn đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ1 và ông Nguyễn Quý T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, ngày 12/6/2018, Công ty D là bên nhận thầu thi công ký hợp đồng xây lắp số 02/2018/HĐXD với Công ty Đ là bên chủ đầu tư về việc xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh tại địa chỉ K104/6 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 18/6/2019, hai bên tiến hành nghiệm thu bàn giao hoàn thành với tổng khối lượng công việc hoàn thành tính theo đơn giá mới là **4.309.705.661đồng**, Công ty Đ đã thanh toán được **3.485.202.000đồng**, số tiền còn lại chưa thanh toán là 824.503.661đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 191.701.751đồng. Tổng số tiền là **1.016.205.412đồng**.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Ngày 12/6/2018, Công ty D (*là bên nhận thầu thi công*) ký hợp đồng xây lắp số 02/2018/HĐXD với Công ty Đ (*là bên chủ đầu tư*), về việc xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh tại địa chỉ K104/6 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Công ty Đ giao cho Công ty D xây lắp phần thô công trình Nhà lô phố 7 tầng, tổng diện tích sàn 1.154m², kết cấu, móng, cột, dầm, sàn, mái bằng bê tông cốt thép, tường gạch, theo đơn giá 2.950.000đ. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 3.8885.000.000đồng (*bao gồm thuế VAT 10%*), về phương thức thanh toán theo quy định tại điều 3 của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã tiến hành lập các Biên bản nghiệm thu các hạng mục đã thi công, ngày 16/11/2018 hai bên đã ký “Biên bản xác nhận khối lượng – công nợ” (tạm tính từ sàn 1 đến 40% sàn 5) giai đoạn 1 với giá trị khối lượng thành tiền là 2.787.476.500đồng và 278.747.600đồng tiền thuế VAT 10%. Tổng cộng là 3.066.224.150đồng. Và tiếp tục thi công giai đoạn 2 (từ ngày ngày 16/11/2018 đến ngày nghiệm thu bàn giao hoàn thành ngày 18/6/2019), khối lượng công việc thi công gồm: 60% sàn tầng 5 với số tiền là 282.527.400đồng và thi công hoàn thành sàn tầng 6, nhưng do Công ty Đ không xin được giấy phép xây dựng tầng 6 nên sau khi thi công xong buộc phải tháo dỡ toàn bộ sàn tầng 6. Ngày 17/5/2019, hai bên lập biên bản thỏa thuận chi phí phát sinh ngoài hợp đồng với số tiền **345.488.438đồng**, (*bao gồm: khối lượng xây lắp sàn tầng 6, chi phí thuế xây dựng, chi phí thiết kế và phí đập phá dọn dẹp gạch nền*) và tiếp tục thi công phát sinh diện gác lửng các tầng với số tiền 14.040.000đồng (*theo biên bản xác nhận ngày 08/6/2019*), tổng số tiền khối lượng xây lắp phát sinh ngoài hợp đồng **359.528.438đồng** (*chưa tính thuế VAT 10%*). Sau khi hoàn thi công khối lượng phát sinh, tiếp tục thi công hoàn thiện mái tầng 5 theo hợp đồng với số tiền là 97.350.000đồng và 16.346.400đồng (*tiền chống thấm mái sân tường, toilet và ban công*). Tổng số tiền số tiền thi công xây lắp giai đoạn 2 là **755.752.238đồng** (*trong đó, khối lượng xây lắp theo hợp đồng là 396.223.800đồng và phát sinh ngoài hợp đồng là 359.528.438đồng*) và 75.575.224đồng tiền thuế VAT 10%, vậy tổng số tiền tiền sau thuế giai đoạn 2 là **831.327.462đồng**. Tổng giá trị xây lắp giai đoạn 1 và giai đoạn 2 sau thuế là **3.897.551.612đồng**, (*trong đó, khối lượng xây lắp là 3.502.070.332đồng, khối lượng phát sinh là 395.481.282đồng*).

[4] Mặc dù hợp đồng có thỏa thuận đơn giá cố định, tuy nhiên trong giai đoạn thực hiện hợp đồng thi công xây lắp công trình giai đoạn 2, ngày 17/5/2019 hai bên có lập “Biên bản làm việc” ghi nhận cam kết của hai bên về nghĩa vụ đúng tiến độ của bên nhận thầu và điều chỉnh đơn giá thi công điều chỉnh đơn giá từ

2.950.000đ/m² lên 3.300.000đ/m² và cam kết thời gian thanh toán và một số văn bản liên quan là phù hợp với quy định pháp luật (*Điều 143 của Luật xây dựng*). Như vậy, tổng khối lượng xây lắp hoàn thành theo đơn giá mới (*đã tính VAT 10%*) là **4.309.705.662đồng**, (*trong đó, khối lượng xây lắp theo đơn giá mới là 3.914.224.380đồng và khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng là 395.481.282đồng*). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thanh toán nhiều lần với tổng số tiền 3.485.202.000đồng. Giá trị còn lại Công ty Đ chưa thanh toán là **4.309.705.662đồng - 3.485.202.000đồng = 824.503.660đồng**. Ngày 18/6/2019, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Kể từ ngày nhận bàn giao, Công ty Đ vẫn không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng và quy pháp luật về thanh toán trong xây dựng (*theo quy định tại Điều 144 và 147 của Luật xây dựng*). Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi (*kể từ 08/8/2019 - 08/4/2022 là 31 tháng, lãi suất 9%/năm theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền nợ gốc*) với số tiền là 191.701.751đồng là có căn cứ. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, buộc Công ty Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng là **1.016.205.412đồng**.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm là 42.486.000đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án*" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 143, 144, Điều 147 của Luật Xây dựng; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án*" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Tuyên xử: buộc Công ty TNHH MTV Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV D tổng số tiền là **1.016.205.412đ** (*một tỷ không trăm mười sáu triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười hai đồng*), (*trong đó nợ gốc là 824.503.661đồng và lãi là 191.701.751đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí: Buộc Công ty TNHH MTV Đ phải chịu 42.486.000đ (*bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV D tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.980.000đ (*hai mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0002255 ngày 07/10/2021 và biên lai thu số 002503 ngày 18/01/2022 của chi cục Thi hành án quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Vũ

